PHÁP LUẬT VỀ TRÁCH NHIỆM CỦA DOANH NGHIỆP TRONG VIỆC BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG Ở VIỆT NAM - THỰC TRẠNG VÀ GIẢI PHÁP

 *Nguyễn Duy Phương[[1]](#footnote-0)*

*Nguyễn Duy Thanh[[2]](#footnote-1)*

**Tóm tắt:**

Việt Nam cũng như nhiều nước trên thế giới hiện nay đang gặp phải vấn đề ô nhiễm môi trường. Tình trạng ô nhiễm môi trường làm thay đổi chất lượng đời sống của con người và phá hoại môi trường sống của sinh vật trên thế giới. Vì vậy, việc nghiên cứu về trách nhiệm bảo vệ môi trường nói chung và trách nhiệm của doanh nghiệp nói riêng trong việc bảo vệ môi trường là hết sức cần thiết.

Bài viết phân tích những qui định của pháp luật, đánh giá thực trạng tổ chức thực thi pháp luât Việt Nam về trách nhiệm bảo vệ môi trường của doanh nghiệp bao gồm: Trách nhiệm đánh giá tác động môi trường, trách nhiệm thực hiện các cam kết bảo vệ môi trường, trách nhiệm quản lý, xử lý chất thải trong hoạt động sản xuất kinh doanh. Qua nghiên cứu người viết chỉ ra những ưu điểm, nhược điểm trong qui định của pháp luật hiện hành đồng thời đề xuất những giải pháp hoàn thiện pháp luật về trách nhiệm của doanh nghiệp trong việc bảo vệ môi trường ở Việt Nam.

**Từ khóa**: Pháp luật, trách nhiệm, doanh nghiệp, môi trường.

1. **Đặt vấn đề**

Môi trường đã và đang là vấn đề được rất nhiều quốc gia trên thế giới quan quan tâm. Tuy nhiên tình trạng [ô nhiễm](http://moitruong.com.vn/moi-truong-cuoc-song/8-4-trieu-nguoi-chet-vi-o-nhiem-moi-nam-11357.htm) môi trường vẫn đang hoành hành khắp nơi trên thế giới.

Sau cuộc cách mạng công nghiệp lần 3 (Cách mạng kỹ thuật số) nền kinh tế thế giới có nhiều chuyển biến tích cực, nhiều quốc gia trên thế gới có tốc độ tăng trưởng kinh tế vượt bậc. Nhưng quá trình phát triển kinh tế luôn có tính hai mặt, bên cạnh những thành tự kinh tế đạt được thì trên khắp nơi trên thế giới ở đâu chúng ta cũng dễ dàng nhận thấy dấu hiệu của sự ô nhiễm môi trường; Một trong những thủ phạm gây ra ô nhiễm môi trường chính là hoạt động sản xuất, kinh doanh của các doanh nghiệp và ở Việt Nam cũng không phải là ngoại lệ. Kể từ khi Nhà nước ta xây dựng và phát triễn nên kinh tế thị trường, thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, cùng với quá trinh đô thị hóa thì hoạt động sản xuất kinh doanh cũng phát triễn mạnh mẽ. Tuy nhiên, việc sản xuất, kinh doanh lại không đi đôi với phát triển bên vững và bảo vệ môi trường. Tình trạng khai thác tài nguyên thiên nhiên bừa bãi, xả chất thải chưa qua xử lý ra môi trường đã tác động tiêu cực đến môi trường, sinh thái ở nước ta.

Trên thế giới rất nhiều quốc gia đề cao trách nhiệm của doanh nghiệp trong việc bảo vệ môi trường và họ xem đó là nghĩa vụ, bổn phận của doang nghiệp là trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp hầu như các doanh nghiệp luôn gắn hoạt động sản xuất kinh doanh với việc bảo vệ môi trường và coi đó là chiến lược trọng tâm quyết định đến sự phát triển bền vững của mình. Tuy nhiên ở nước ta hiện nay, các doanh nghiệp chưa chú trọng việc bảo vệ môi trường trong hoạt động sản xuất kinh doanh. Ngoại trừ một số ít doanh nghiệp mà chủ yếu là những doanh nghiệp lớn đã và đang làm điều này nhưng lại thiếu chiến lược phát triển bền vững.

Xuất phát từ thực tiễn, để thực thi trách nhiệm của doanh nghiệp trong việc bảo vệ môi trường, trước hết Nhà nước cần phải xây dựng và hoàn thiện các qui định của pháp luật, tạo ra một khung pháp lý trong đó xác định rỏ quyền và nghĩa vụ của doanh nghiệp trong việc bảo vệ môi trường. Bên cạnh đó cũng cần xác định rõ trách nhiệm của cac cơ quan nhà nước có thẩm quyền trong việc thanh tra, kiểm tra, xử lý các hành vi vi phạm pháp luật trong lĩnh vực môi trường. Việc thanh tra kiểm tra phải đảm bảo tính thường xuyên, liên tục có trọng điểm, trọng tâm, việc xử lý phải nghiêm minh, đúng tính chất mức độ của hành vi vi phạm. Như vậy, chúng ta phải luôn luôn đứng trên quan điểm của Đàng và Nhà nước đó là phát triển kinh tế bền vững, phát triển kinh tế đi đôi với bảo vệ môi trường.

1. **Qui định của pháp luật về trách nhiệm của doanh nghiệp trong việc bảo vệ môi trường**

Trách nhiệm của doanh nghiệp (CSR) trong việc bảo vệ môi trường (BVMT) được qui định tại chương VII “*BVMT trong sản xuất, kinh doanh, dịch vụ”* Luật BVMT năm 2014 và tại chương V Luật BVMT năm 2020 “*BVMT trong sản xuất, kinh doanh, dịch vụ; Đô thị và nông thông; trong một số lĩnh vực”,* bao gồm các nội dung:

* 1. ***Trách nhiệm tuân thủ các quy định về lập và thực hiện các nội dung trong báo cáo đánh giá tác động môi trường và các quy định về thực hiện các nội dung trong cam kết bảo vệ môi trường của doanh nghiệp***
		1. *Trách nhiệm tuân thủ các quy định về lập báo cáo đánh giá tác động môi trường*

Các doanh nghiệp trong hoạt động kinh doanh sản xuất để được cấp phép hoạt động thì bên cạnh luận chứng kinh tế, kỹ thuật về môi trường phải có báo cáo đánh giá tác động môi trường được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt.

 Theo quy định tại Khoản 23 Điều 3 Luật BVMT năm 2014 có hiệu lực ngày 01/01/2015 thì: *“Đánh giá tác động môi trường là việc phân tích, dự báo tác động đến môi trường của dự án đầu tư cụ thể để đưa ra biện pháp BVMT khi triển khai dự án đó”,* còn theo quy định tại Khoản 7 Điều 3 Luật BVMT năm 2020 có hiệu lực ngày 01/01/2022 thì: “*Đánh giá tác động môi trường là quá trình phân tích, đánh giá, nhận dạng, dự báo tác động đến môi trường của dự án đầu tư và đưa ra biện pháp giảm thiểu tác động xấu đến môi trường*”.

Với qui định này yêu cầu các doanh nghiệp khi thực hiện dự án có thể gây ảnh hưởng đến môi trường đều phải thực hiện phân tích và đánh giá tác động môi trường và phải đề xuất các biện pháp thích hợp để BVMT.

 Như vậy việc đánh giá tác động môi trường sẽ giúp cho các tổ chức, doanh nghiệp chủ động lựa chọn những phương án khả thi về kinh tế và kĩ thuật trong kế hoạch phát triển kinh tế, BVMT của mình. Đồng thời đây là cách thức để cơ quan có thẩm quyền để kiểm soát các hoạt ảnh hưởng đến môi trường hiệu quả nhất.

Hiện nay việc lập báo cáo đánh giá tác động môi trường được quy định tại Nghị định số 40/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 18/2015/NĐ-CP 14 tháng 02 năm 2015 của Chính phủ quy định về quy hoạch BVMT, đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch BVMT.

 Theo qui định của Chính phủ CSR về đánh giá tác động môi trường như sau:

*“2. Chủ dự án của các đối tượng quy định tại Khoản 1 Điều này có trách nhiệm tự thực hiện hoặc thuê tổ chức tư vấn thực hiện đánh giá tác động môi trường theo quy định tại Điều 19 Luật BVMT; chịu trách nhiệm trước pháp luật về kết quả thực hiện đánh giá tác động môi trường và các thông tin, số liệu được sử dụng trong báo cáo đánh giá tác động môi trường.*

*3. Tổ chức tư vấn thực hiện đánh giá tác động môi trường chịu trách nhiệm trước chủ dự án và trước pháp luật về kết quả thực hiện đánh giá tác động môi trường và các thông tin, số liệu do mình tạo lập trong báo cáo đánh giá tác động môi trường.*

*4. Trong quá trình thực hiện đánh giá tác động môi trường, chủ dự án phải tiến hành tham vấn Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn (sau đây gọi chung là Ủy ban nhân dân cấp xã) nơi thực hiện dự án, các tổ chức và cộng đồng chịu tác động trực tiếp bởi các vấn đề môi trường của dự án (nước thải, khí thải, bụi, chất thải rắn, chất thải nguy hại, sụt lún, sạt lở, bồi lắng, tiếng ồn, đa dạng sinh học); nghiên cứu, tiếp thu, giải trình những ý kiến của các đối tượng liên quan được tham vấn để hạn chế thấp nhất tác động bất lợi của dự án đến chất lượng môi trường sống, đa dạng sinh học”.[[3]](#footnote-2)*

 Như vậy doanh nghiệp là chủ dự án đầu tư thuộc đối tượng phải lập báo cáo đánh giá tác động môi trường (sau đây gọi là chủ dự án) tự tiến hành hoặc thuê tổ chức tư vấn có đủ điều kiện về cán bộ chuyên môn, cơ sở vật chất - kỹ thuật cần thiết để tiến hành đánh giá tác động môi trường và lập báo cáo đánh giá tác động môi trường. Chủ dự án gửi văn bản thông báo về các hạng mục đầu tư chính, các vấn đề môi trường, các giải pháp BVMT của dự án và đề nghị Ủy ban nhân dân, Ủy ban mặt trận tổ quốc cấp xã đại diện cộng đồng dân cư nơi thực hiện dự án tham gia ý kiến; chủ dự án gửi hồ sơ đề nghị thẩm định báo cáo đánh giá tấc động môi trường đến Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ, Cơ quan ngang Bộ, Cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

 Để lập được báo cáo tác động môi trường đầy đủ với những nội dung theo qui định tại Điều 15 Luật BVMT 2014 và Điều 32 Mục 3 chương 2 Luật BVMT 2020 người lập báo cáo cần qua những bước tìm hiểu rõ ràng và có tầm nhìn sâu, rộng về vấn đề BVMT, đặc biệt là BVMT nơi có dự án sẽ tiến hành.[[4]](#footnote-3)

Đánh giá giá tác động môi trường là một trong những giải pháp quan trọng trong quản lý ô nhiễm công nghiệp, góp phần tích cực trong việc phòng ngừa ô nhiễm do các hoạt động sản xuất gây ra. Thấy được vai trò to lớn của việc đánh giá tác động nên nhà nước đã ban hành nhiều văn bản pháp luật về BVMT. Tuy nhiên trong thời gian qua thì vấn đề đánh giá tác động môi trường không được chủ các dự án đầu tư quan tâm, Mặc dù đa số tất cả các dự án đầu tư đều thực hiện công tác đánh giá tác động môi trường, nhưng hầu hết chỉ dùng để đối phó, để dự án được thông qua nên họ chỉ làm qua loa, chú trọng làm cho đủ thủ tục chứ không quan tâm đến những tác động và nguy cơ môi trường thực sự, dẫn đến nhiều trường hợp vi phạm quy định về đánh giá tác động gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng.

 Đánh giá tác động môi trường là việc làm hữu ích, có ý nghĩa thiết thực đối với các hoạt động phát triển. Tuy nhiên do ĐTM là một quá trình nghiên cứu, phân tích tổng hợp phức tạp, đòi hỏi chuyên gia kinh nghiệm, tốn kém về thời gian, kinh phí. Vì vậy đối với các dự án phát triển việc ĐTM đầy đủ chỉ tiến hành đối với các dự án phát triển quan trọng, còn đối với các dự án ít quan trọng hơn thì không được quan tâm đúng mức.

 Sau khi báo cáo đánh giá tác động môi trường được phê duyệt thì chủ dự án có trách nhiệm báo cáo Ủy ban nhân dân cấp huyện nơi thực hiện dự án về nội dung quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường; niêm yết công khai địa điểm thực hiện dự án về các loại chất thải, cộng nghệ xử lý, thông số tiêu chuẩn về chất thải các giải pháp BVMT để cộng đồng dân cư biết, kiểm tra, giám sát; thực hiện đúng, đầy đủ các nội dung BVMT nêu trong báo cáo đánh giá tác động môi trường và các yêu cầu của quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động; thông báo cho cơ quan phê duyệt báo cáo tác động môi trường để kiểm tra, xác nhận việc đã thực hiện các nội dung của báo cáo và yêu cầu của quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường; chỉ được đưa công trình vào sử dụng sau khi đã được cơ quan có thẩm quyền kiểm tra, xác nhận việc thực hiện đầy đủ yêu cầu quy định trên.

* + 1. *Trách nhiệm tuân thủ các quy định về lập báo cáo và thực hiện các nội dung trong cam kết bảo vệ môi trường*

Các doanh nghiệp thực hiện hoạt động sản xuất, kinh doanh phải lập báo cáo đánh giá tác động môi trường có trách nhiệm lập bản cam kết BVMT để đăng ký với Ủy ban nhân dân cấp huyện hoặc Ủy ban nhân dân cấp xã được ủy quyền xem xét, xác nhận.

Theo tinh thần của Điều 26, 27 Luật BVMT năm 2014; Điều 37 Luật BVMT năm 2020 :

Trách nhiệm của chủ đầu tư dự án sau khi báo cáo đánh giá tác động môi trường được phê duyệt;

- Thực hiện các yêu cầu của quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường.

- Trường hợp thay đổi quy mô, công suất, công nghệ làm tăng tác động xấu đến môi trường so với phương án trong báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt nhưng chưa đến mức phải lập lại báo cáo đánh giá tác động môi trường được quy định tại điểm c khoản 1 Điều 20 của Luật BVMT năm 2014, chủ đầu tư dự án phải giải trình với cơ quan phê duyệt và chỉ được thực hiện sau khi có văn bản chấp thuận của cơ quan phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường.

Trách nhiệm của chủ đầu tư trước khi đưa dự án vào vận hành

- Tổ chức thực hiện biện pháp BVMT theo quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường.

- Phải báo cáo cơ quan phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường kết quả thực hiện các công trình BVMT phục vụ vận hành dự án đối với dự án lớn, có nguy cơ tác động xấu đến môi trường do Chính phủ quy định. Những dự án này chỉ được vận hành sau khi cơ quan phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường kiểm tra, xác nhận hoàn thành công trình BVMT.

## 2.1.3. Trách nhiệm thực hiện các quy định về quản lý, xử lý chất thải

Theo Luật BVMT năm 2014 và Luật BVMT năm 2020 thì: “cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ hoạt động phải thực hiện các yêu cầu sau đây:

Cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ phải đáp ứng các yêu cầu về BVMT sau:

*Yêu cầu về quản lý chất thải*

- Về quản lý chất thải rắn sinh hoạt, chất thải nguy hại và chất thải rắn công nghiệp thông thường được quy định như sau:

+ Chất thải phải được quản lý trong toàn bộ quá trình phát sinh, giảm thiểu, phân loại, thu gom, lưu giữ, trung chuyển, vận chuyển, tái sử dụng, tái chế, xử lý, tiêu hủy;

+ Chủ nguồn thải chất thải nguy hại, chất thải rắn công nghiệp thông thường có trách nhiệm tái sử dụng, tái chế, xử lý và thu hồi năng lượng từ chất thải hoặc chuyển giao cho cơ sở có chức năng, giấy phép môi trường phù hợp để xử lý;

+ Chủ nguồn thải chất thải công nghiệp phải kiểm soát có trách nhiệm phân định chất thải là chất thải nguy hại hoặc chất thải rắn công nghiệp thông thường thông qua hoạt động lấy, phân tích mẫu do cơ sở có chức năng, đủ năng lực thực hiện theo quy định của pháp luật Chất thải công nghiệp sau khi phân định phải được quản lý theo quy định của pháp luật;

+ Chất thải đáp ứng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật của nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu theo quy định của pháp luật về chất lượng sản phẩm, hàng hóa được quản lý như sản phẩm, hàng hóa và được phép sử dụng trực tiếp làm nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu cho hoạt động sản xuất;

+ Tổ chức, cá nhân vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt, chất thải nguy hại, chất thải rắn công nghiệp thông thường phải xử lý có trách nhiệm vận chuyển chất thải đến cơ sở có chức năng, giấy phép môi trường phù hợp hoặc chuyển giao cho tổ chức, cá nhân vận chuyển khác để vận chuyển đến cơ sở có chức năng, giấy phép môi trường phù hợp;

+ Việc quản lý chất thải phóng xạ được thực hiện theo quy định của pháp luật về năng lượng nguyên tử.[[5]](#footnote-4)

*Thu gom, xử lý nước thải*

Thu gom, xử lý nước thải bảo đảm quy chuẩn kỹ thuật môi trường; Thu gom, phân loại, lưu giữ, xử lý, thải bỏ chất thải rắn theo quy định của pháp luật; Giảm thiểu, thu gom, xử lý bụi, khí thải theo quy định của pháp luật; bảo đảm không để rò rỉ, phát tán khí độc hại ra môi trường; hạn chế tiếng ồn, độ rung, phát sáng, phát nhiệt gây ảnh hưởng xấu đối với môi trường xung quanh và người lao động; Bảo đảm nguồn lực, trang thiết bị đáp ứng khả năng phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường; Xây dựng và thực hiện phương án BVMT.

 Cơ sở sản xuất hoặc kho tàng thuộc các trường hợp sau phải có khoảng cách bảo đảm không có tác động xấu đối với khu dân cư: Có chất dễ cháy, dễ nổ; Có chất phóng xạ hoặc bức xạ mạnh; Có chất độc hại đối với người và sinh vật; Phát tán bụi, mùi, tiếng ồn ảnh hưởng xấu tới sức khỏe con người; Gây ô nhiễm nguồn nước.

Cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có phát sinh lượng chất thải lớn, nguy cơ ảnh hưởng nghiêm trọng đến môi trường phải có bộ phận chuyên môn hoặc nhân sự phụ trách về BVMT; phải được xác nhận hệ thống quản lý môi trường theo quy định của Chính phủ.[[6]](#footnote-5)

*Quản lý nước thải*

Hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, nước được sử dụng với khối lượng lớn cho hầu hết các công đoạn sản xuất, đồng thời lượng nước thải ra môi trường làm ảnh hưởng đến nguồn nước xung quanh khu vực các nhà máy cũng đáng kể. Do đó chủ doanh nghiệp phải tuân thủ các quy định về quản lý nước thải, thu gom và xử lý nước thải đạt tiêu chuẩn môi trường.

 Tiêu chuẩn môi trường là giới hạn cho phép của các thông số về chất lượng môi trường xung quanh, về hàm lượng của chất gây ô nhiễm trong chất thải được cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định làm căn cứ để quản lý và BVMT[[7]](#footnote-6). Một khi chuẩn mực hoặc giới hạn các tác nhân gây ô nhiễm vượt quá tiêu chuẩn thì ở đó có thể xem là bị ô nhiễm mặc dù chưa có bằng chứng về tác hại của các chất gây ô nhiễm.

 Tiêu chuẩn môi trường được quy định cụ thể cho từng vùng và không giống nhau ở mọi nơi, mọi mục đích sử dụng. Tiêu chuẩn môi trường xác định các mục tiêu môi trường và đặt ra các giới hạn số lượng hay nồng độ cho phép của các chất được thải vào khí quyển, nước, đất hay được phép tồn tại trong các sản phẩm tiêu dùng. Theo quy định về việc cấp phép thăm dò, khai thác, sử dụng tài nguyên nước, xả nước thải vào nguồn nước thì chủ thể khai thác khoáng sản phải tiến hành lập hồ sơ xin cấp phép xả nước thải vào nguồn nước và nộp hồ sơ tại cơ quan tiếp nhận hồ sơ là Cục Quản lý tài nguyên nước thuộc Bộ Tài nguyên và Môi trường chịu trách nhiệm tiếp nhận và quản lý hồ sơ, giấy phép do Bộ Tài nguyên và Môi trường cấp hoặc Sở Tài nguyên và Môi trường chịu trách nhiệm tiếp nhận và quản lý hồ sơ giấy phép do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh cấp.

Để thi hành nội dung này ngày 14 tháng 10 năm 2016 Bộ Tài nguyên và Môi trường đã ban hành Thông tư số: 31/2016/TT-BTNMT về BVMT cụm công nghiệp, khu kinh doanh dịch vụ tập trung và cơ sở sản xuất kinh doanh dịch vụ.

Điều 18. Quản lý nước thải

*“1. Cơ sở nằm ngoài khu công nghiệp, cụm công nghiệp không thuộc đối tượng quy định tại Khoản 1 Điều 17 Thông tư này mà có hệ thống xử lý nước thải và lưu lượng nước thải từ 30 m3/ngày.đêm trở lên, ngoài việc thực hiện các quy định của pháp luật về quản lý nước thải thì phải có nhật ký vận hành hệ thống xử lý nước thải được ghi chép đầy đủ, lưu giữ tối thiểu 02 năm.*

*Nhật ký vận hành phải được viết bằng tiếng Việt, gồm các nội dung: lưu lượng, thông số vận hành hệ thống xử lý nước thải, kết quả quan trắc nước thải đầu vào và đầu ra của hệ thống xử lý nước thải (nếu có), loại và lượng hóa chất sử dụng, lượng bùn thải phát sinh...”[[8]](#footnote-7)*

 *Quản lý chất thải rắn*

 “Khối lượng chất thải rắn (đất, đá) xuất hiện hoạt động sản xuất dặc biệt là trong các khu công nghiệp mỗi năm là rất lớn, loại chất thải này sau một thời gian không được xử lý sẽ gây ảnh hưởng xấu đến môi trường sinh thái, ảnh hưởng lâu dài và nghiêm trọng đến đời sống cư dân cũng như động, thực vật trong khu vực”[[9]](#footnote-8).

 Để nhằm hạn chế ảnh hưởng đến môi trường từ các chất thải nói chung và chất thải rắn trong khai thác khoáng sản nói riêng, ngày 24 tháng 4 năm 2015 của Chính phủ đã ban hành Nghị định số 38/2015/NĐ-CP về quản lý chất thải rắn. Các điều 85, 86, 87, 88 Luật BVMT năm 2014 có quy đinh về việc xử lý chất thải thông thường đối với hoạt động du lịch, các xuất các mặt hàng không gây ảnh hưởng lớn tới môi trường.

Theo Thông tư số: 31/2016/TT-BTNMT về BVMT cụm công nghiệp, khu kinh doanh dịch vụ tập trung và cơ sở sản xuất kinh doanh dịch vụ có trách nhiệm:Quản lý chất thải rắn, khí thải, tiếng ồn, độ rung, ánh sáng, bức xạ

Cơ sở phải thực hiện việc quản lý chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn y tế và chất thải rắn nguy hại phát sinh từ hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ theo quy định của pháp luật về quản lý chất thải rắn.

Cơ sở phát sinh khí thải phải: Đầu tư, lắp đặt hệ thống xử lý khí thải bảo đảm quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có sàn thao tác bảo đảm an toàn tại vị trí lấy mẫu khí thải; Có nhật ký vận hành hệ thống xử lý khí thải được ghi chép đầy đủ, lưu giữ tối thiểu 02 năm.

Nhật ký vận hành phải viết bằng tiếng Việt, gồm các nội dung: lưu lượng, thông số vận hành, lượng nước và hóa chất sử dụng (đối với cơ sở có loại hình, quy mô tương đương đối tượng phải lập báo cáo đánh giá tác động môi trường theo quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 18/2015/NĐ-CP);

Thực hiện quan trắc khí thải tự động, liên tục theo quy định tại Khoản 2, Khoản 3 Điều 26 Thông tư 31/2016/TT-BTNMT và đăng ký chủ nguồn khí thải theo quy định (đối với cơ sở có phát sinh khí thải công nghiệp thuộc danh mục các nguồn khí thải lưu lượng lớn quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 38/2015/NĐ-CP).

Cơ sở phát sinh tiếng ồn, độ rung, ánh sáng, bức xạ phải đầu tư, lắp đặt hệ thống giảm thiểu tiếng ồn, độ rung, ánh sáng, bức xạ bảo đảm quy chuẩn kỹ thuật môi trường và các quy định khác có liên quan[[10]](#footnote-9)”.

1. **Những ưu điểm và hạn chế của pháp luật về trách nhiệm của doanh nghiệp trong việc bảo vệ môi trường ở Việt Nam**
	1. ***Ưu đểm của pháp luật về trách nhiệm của doanh nghiệp trong việc bảo vệ môi trường***

So với Luật BVMT năm 2005, Luật BVMT năm 2014 và Luật BVMT năm 2020 đã lồng ghép trách nhiệm bảo vệ môi trường của các tổ chức, cá nhân kinh doanh vào từng lĩnh vực cụ thể trong hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ. Tách riêng thành điều luật quy định bảo vệ môi trường khu kinh tế. Trong đó, bảo vệ môi trường đối với làng nghề và bảo vệ môi trường trong nhập khẩu phế liệu... tuy điều luật vẫn giữ nguyên tên, nhưng nội dung có sự thay đổi. Cụ thể: Luật Bảo vệ môi trường 2014 đã quy định làng nghề và cơ sở sản xuất tại làng nghề phải đáp ứng điều kiện và yêu cầu về bảo vệ môi trường. Trong đó có phương án, biện pháp và tổ chức tự quản về bảo vệ môi trường làng nghề. Quy định rõ trách nhiệm của ủy ban nhân dân cấp xã, ủy ban nhân dân cấp huyện, ủy ban nhân dân cấp tỉnh có làng nghề về công tác bảo vệ môi trường làng nghề. Về bảo vệ môi trường trong nhập khẩu phế liệu, Luật này đã quy định về phế liệu nhập khẩu từ nước ngoài vào Việt Nam phải đáp ứng quy chuẩn kỹ thuật môi trường và thuộc danh mục phế liệu được phép nhập khẩu. Tổ chức, cá nhân nhập khẩu phế liệu phải đáp ứng các yêu cầu và thực hiện các trách nhiệm cụ thể về công tác bảo vệ môi trường.[[11]](#footnote-10)

 Luật BVMT 2020 đã ban hành một mục riêng (Mục 2, chương IV), từ Điều 28 đến Điều 29 để quy định tiêu chí về môi trường để phân loại dự án đầu tư, theo đó dự án đầu tư được phân thành 04 (bốn) nhóm để thực hiện các thủ tục pháp lý về BVMT theo quy định; Ngoài ra, Luật cũng quy định nhóm đối tượng dự án phải thực hiện đánh giá sơ bộ tác động môi trường.

 Vấn đề công khai thông tin đã được quy định xuyên suốt, thống nhất trong Luật BVMT 2020 theo các nội dung cụ thể về BVMT trong các Chương của Luật, cùng với một khoản riêng quy định việc cung cấp, công khai thông tin về môi trường. Đối với việc thẩm định phê duyệt các báo cáo Đánh giá tác động môi trường các vấn đề về tham vấn ý kiến đối với dự án, công khai báo cáo đánh giá tác động môi trường cũng được quy định cụ thể tại các Điều 36, 37, 38 Luật BVMT, nhằm đảm bảo nguyên tắc BVMT theo quy định tại Điều 4 Luật BVMT năm 2020. Luật cũng đã quy định trách nhiệm của chủ dự án trong việc tham vấn ý kiến các bên có liên quan.

 Các nội dung về quản lý chất thải và kiểm soát các chất ô nhiễm khác được quy định từ Điều 72 đến Điều 88 Luật BVMT năm 2014, trong đó các vấn đề về quản lý chất thải rắn sinh hoạt được quy định cụ thể và rõ ràng hơn: quy định về việc phân loại, lưu giữ, chuyển giao; chi phí thu gom vận chuyển; xử lý ô nhiễm, cải tạo môi trường bãi chôn lấp chất thải rắn sinh hoạt…theo đó các quy định hướng tới thúc đẩy người dân phân loại, giảm thiểu chất thải rắn sinh hoạt phát sinh tại nguồn, nếu không thực hiện việc này thì chi phí xử lý chất thải rắn sinh hoạt phải nộp sẽ cao, định hướng cách thức quản lý, ứng xử với chất thải**…**

***3.2. Hạn chế của pháp luật về trách nhiệm của doanh nghiệp trong việc bảo vệ môi trường***

***Thứ nhất,***nếu chỉ dừng lại ở mức độ như qui định của Luật BVMT 2014 và Luật BVMT 2020 thì doanh nghiệp chưa thực sự thực hiện CSR vì CSR còn bao gồm phần mở rộng ở các cam kết tự nguyện. Các ràng buộc “mềm” này thể hiện ở các quy tắc ứng xử, các tiêu chuẩn mà doanh nghiệp cam kết thực hiện vượt trên các chuẩn mực pháp lý. Các quy tắc “luật cứng” và các ràng buộc “luật mềm” đã tạo ra hai cơ sở pháp lý là nội dung chính của CSR:

(i) Các quy định pháp luật bắt buộc phải tuân thủ liên quan đến trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp;

(ii) Các cam kết đơn phương của doanh nghiệp về trách nhiệm xã hội thể hiện trong bộ quy tắc ứng xử và tuân thủ các tiêu chuẩn quốc tế. Như thế, trách nhiệm xã hội thì không chỉ là trách nhiệm pháp lý, nó vượt lên trên và ra ngoài phạm vi bao quát của các quy định pháp luật. Trách nhiệm xã hội không hoàn toàn được quy định dưới góc độ pháp luật, mà có thể được nhìn nhận dưới nhiều góc độ khác nhau, nhưng về cơ bản, có thể được nhìn nhận dưới góc độ kết hợp của trách nhiệm pháp lý (tích cực) và các dạng trách nhiệm đạo đức.

***Thứ hai,*** dưới góc độ pháp lý, pháp luật Việt Nam (Luật BVMT năm 2014 và Luật BVMT năm 2020) quy định điều kiện tiên quyết để được thành lập doanh nghiệp là phải thực hiện đánh giá tác động môi trường ĐTM. Điều này phải được thực hiện trong giai đoạn chuẩn bị dự án đầu tư. Doanh nghiệp có nghĩa vụ tham vấn các cơ quan, tổ chức và cộng đồng nơi sẽ bị ảnh hưởng trực tiếp bởi các hoạt động dự án. Pháp luật quy định các doanh nghiệp phải có báo cáo đánh giá tác động môi trường trong đó phải đưa ra các dữ liệu liên quan đến phương pháp đánh giá môi trường, các biện pháp quản lý chất thải hay dự trù ngân sách cho hoạt động BVMT của doanh nghiệp, vv… Thực tiễn cho thấy, những doanh nghiệp thực hiện tốt CSR sẽ không thua thiệt, mà thường đạt được những lợi ích đáng kể, bao gồm giảm chi phí, tăng doanh thu, tăng giá trị thương hiệu, giảm tỷ lệ nhân viên thôi việc, tăng năng suất và thêm cơ hội tiếp cận những thị trường mới. Trong tiến trình hội nhập kinh tế toàn cầu, CSR đã trở thành một trong những yêu cầu đối với các doanh nghiệp Việt Nam, nếu doanh nghiệp nào đó không tuân thủ CSR sẽ không thể tiếp cận được với thị trường thế giới. Tuy nhiên, pháp luật BVMT chưa có chế tài cụ thể hặc có thì các chế tài quá nhẹ nên chưa đủ sức răn đe đối với cá nhân, tổ chức kinh doanh vi phạm pháp luật.

***Thứ ba,*** hiện nay có ba vấn đề được xem là rào cản trong việc thực hiện CSR đó là: tài chính không đầy đủ, thiếu kiến thức về trách nhiệm xã hội và không có tầm nhìn. Như vậy, CSR ở Việt Nam thiếu hoàn thiện được thể hiện chủ yếu trên hai khía cạnh:

***Khía cạnh thứ nhất***, những quy định về CSR ở Việt Nam là rất hạn chế về cả số lượng các quy định và cơ chế thực thi (chúng tôi cho rằng đây là hạn chế lớn nhất).

***Khía cạnh thứ hai***, sự không tuân thủ các quy định của pháp luật về CSR từ phía các doanh nghiệp. Nếu có sự tuân thủ thì chủ yếu là mang tính hình thức. Chính vì thế, một hệ quả tất yếu là CSR ở Việt Nam vẫn đang ở mức thấp so với trình độ chung của thế giới, nơi mà những quy định về CSR nói riêng và khung pháp lý về BVMT nói chung đã hoàn thiện và được thừa nhận.

## Một số giải pháp hoàn thiện pháp luật về trách nhiệm bảo vệ môi trường của doanh nghiệp

Để thi hành Luật BVMT năm 2014 có hiệu lực từ ngày 1/1/2015; Chính phủ ban hành Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24 tháng 4 năm 2015 về quản lý chất thải và phế liệu; Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành Thông tư 35/2015/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2015 về bảo vệ môi trường Khu kinh tế, khu công nghiệp, khu chế xuất, Khu công nghệ cao.

Luật BVMT năm 2020 có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2022, tuy nhiên luật cũng qui định một nội dung có hiệu lực thi hành từ ngày 01/02/2021 đó là qui định tại khoản 3 Điều 29 “Nội dung đánh giá sơ bộ tác động môi trường”.

Từ những hạn chế như đã được trình bày ở trên của Luật BVMT năm 2014 cũng như nhưng qui định mới trong Luật BVMT năm 2020, chúng tôi đưa ra một số giải pháp sau:

## Thứ nhất, nâng cao nhận thức, trách nhiệm của doanh nghiệp

Các doanh nghiệp cần thay đổi nhận thức về bảo vệ môi trường nói chung và bảo vệ môi trường trong lĩnh vực thương mại nói riêng, tiến tới thay đổi hành vi của doanh nghiệp trong quá trình kinh doanh sản xuất. Đặc biệt áp dụng các giải pháp công nghệ sạch. Để tiến tới xây dựng công nghiệp bảo vệ môi trường, đảm bảo khả năng giải quyết triệt để ô nhiễm cuối đường ống và tiến tới một nền sản xuất sạch đẹp, sinh thái công nghiệp, các giải pháp công nghệ về bảo vệ môi trường như sau:

 - Đẩy mạnh việc ứng dụng công nghệ về sản xuất sạch, sạch hơn nhằm phòng ngừa ô nhiễm tại nguồn trong các hoạt động sản xuất như tiết kiệm nhiên liệu, nguyên liệu và hạn chế phát sinh chất thải, và gây ô nhiễm tại các khu công nghiệp, khu đô thị và trung tâm công nghiệp

 *-* Tăng cường việc đầu tư các giải pháp kỹ thuật như đổi mới công nghệ thiết bị kỹ thuật, ứng dụng và gia tăng hàm lượng công nghệ cao, mới, tiên tiến, áp dụng các biện pháp cải tiến quản lý nội vi, hợp lý hóa quy trình và quá trình sản xauaatss, thay thế nguyên nhiên liệu, vật liệu ô nhiễm bằng nguyên nhiên liệu vật liệu sạch hơn, thực hiện quản lý tiết kiệm năng lượng điện nước. Ứng dụng các giải pháp kỹ thuật xây dựng các môi hình thân thiện moi trường trong phát triển công nghiệp như mô hình công nghiệp thân thiện môi trường, khu công nghệ cao, doanh nghiệp xanh sạch đẹp. Nâng cao năng lực quan trắc và phân tích môi trường trên cơ sở đầu tư thích hợp về trang thiết bị kỹ thuật hại đại nhằm phục vụ công tác kiểm soát, phòng ngừa ô nhiễm môi trường và dự báo diễn biến môi trường. Nghiên cứu ứng dụng và chuyển giao môi trường; đồng thời tăng cường việc đầu tư các giải pháp kỹ thuật nhằm hoàn thiện hệ thống thu gom vận chuyển bằng nhiên liệu và xử lý chất thải rắn khu công nghiệp kể cả chất thải nguy hại.

- Ứng dụng công nghệ thông tin trong BVMT phục vụ công tác phòng ngừa, kiểm soát ô nhiễm môi trường khu công nghiệp

## Thứ hai, giải pháp về mặt tài chính, đầu tư cho bảo vệ môi trường

Việc nâng cao năng lực tài chính của doanh nghiệp là một điều hết sức quan trọng vò hoạt động của công ty là tìm kiếm và phát sinh lợi nhuận. Nếu lợi nhuận càng nâng cao thì sức mạnh của công ty càng được tăng cường. Khi doanh nghiệp đã có tài chính ổn định thì doanh nghiệp sẽ sử dụng một phần lợi nhuận để thực hiện trách nhiệm xã hội trong đó có vấn đề BVMT. Trách nhiệm xã hội doanh nghiệp là phương án mà các doanh nghiệp thường áp dụng như là một chiến lược nhằm tìm kiếm lợi nhuận dài hạn cho doanh nghiệp, đi cùng với phúc lợi xã hội cũng như bảo vệ môi trường. Trong bối cảnh hiện nay, khi Việt Nam đang hội nhập sâu vào nền kinh tế thế giới, để doanh nghiệp phát triển một cách bền vững nhất thì vấn đề bảo vệ môi trường phải đặt lên hàng đầu, bởi lẽ môi trường sống tốt lành là nhu cầu đầu tiên và quan trọng nhất của con người[[12]](#footnote-11). Để làm được những điều này doanh nghiệp cần phải:

- Xây dựng và thực hiện các chiến lược kinh doanh hiệu quả, khai thác tối đa những nguồn lực vốn có của doanh nghiệp, tranh thủ tối đa nguồn vốn hỗ trợ từ nhà nước;

- Doanh nghiệp sử dụng ít nhất 1,5% tổng chi cho ngân sách, dự kiến hàng năm tăng dần tổng chi ngân sách cho hoạt động BVMT so với năm trước;

*-* Các doanh nghiệp được tính vốn đầu tư BVMT trong giá thành chi phí sản xuất để huy động khoảng 1 - 2% tổng chi phí của doanh nghiệp;

*-* Đa dạng hóa đầu tư BVMT, thực hiện các cơ chế, chính sách, biện pháp cụ thể để khuyến khích các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước đầu tư BVMT;

*-* Tăng cường nguồn vốn đầu tư cơ sở hạ tầng về xử lý môi trường cho, đặc biệt phát huy hiệu quả hệ thống xử lý nước thải đô thị, xây dựng hệ thống xử lý nước thải tập trung của các khu công nghiệp, cụm công nghiệp;[[13]](#footnote-12)

## Thứ ba, áp dụng các công cụ kinh tế trong bảo vệ môi trường.

Công cụ kinh tế có hai đặc trưng cơ bản: thứ nhất: công cụ kinh tế hoạt động thông qua cơ chế giá trên thị trường, chúng có chức năng làm nâng giá các hành động làm tổn hại đến môi trường lên hoặc hạ giá các hành động bảo vệ môi trường xuống; thứ hai: công cụ kinh tế sẽ tạo ra khả năng lựa chọn cho các tổ chức và cá nhân hành động sao cho phù hợp với điều kiện của họ[[14]](#footnote-13). Các công cụ kinh tế được xây dựng trên các nguyên tắc cơ bản của nền kinh tế thị trường với mục tiêu điều hòa xung đột giữa tăng trưởng kinh tế và bảo vệ môi trường. Công cụ kinh tế hiện nay rất đa dạng, bao gồm các loại thuế, phí và lệ phí, đặt cọc, ký quỹ, quỹ bảo vệ môi trường, trợ cấp môi trường, hệ thống các tiêu chuẩn ISO...Công cụ kinh tế sẽ tạo điều kiện cho các chủ thể chủ động lập kế hoạch bảo vệ môi trường, tuân thủ pháp luật thông qua việc lồng ghép chi phí bảo vệ môi trường với chi phí sản xuất kinh doanh và giá thành sản phẩm nhằm tăng hiệu quả chi phí, khuyến khích việc đổi mới hoạt động sản xuất kinh doanh. Các giải pháp kinh tế có vai trò điều chỉnh kinh tế vĩ mô theo hướng tích cực, có tác dụng buộc người gây ô nhiễm phải thực hiện các mục tiêu về môi trường bằng các phương tiện, chi phí hiệu quả nhất; kích thích sự phát triển công nghệ mới và tăng cường chuyên sâu về kiểm soát ô nhiễm trong khu vực tư nhân, khuyến khích công tác nghiên cứu và phát triển “sản xuất sạch”[[15]](#footnote-14). Xét về mặt hiệu quả kinh tế, sử dụng tốt công cụ kinh tế, đặc biệt là thuế và phí, sẽ tăng nguồn thu cho ngân sách để đầu tư trở lại cho môi trường, thậm chí còn đầu tư cho các lĩnh vực dịch vụ xã hội khác . Công cụ kinh tế tự nó sẽ tạo ra động cơ khuyến khích doanh nghiệp đổi mới công nghệ thân thiện với môi trường và do vậy, chất lượng sản phẩm cũng tốt hơn, hình ảnh doanh nghiệp trên thị trường sẽ được nâng cao [[16]](#footnote-15). Các công cụ kinh tế được thực hiện trong lĩnh vực bảo vệ môi trường bao gồm :

*-* Thành lập các quỹ bảo vệ môi trường.

*-* Áp dụng các ưu đãi về thuế đối với những doanh nghiệp, những dự án có giải pháp tốt về bảo vệ môi trường.

*-* Áp dụng thuế suất cao đối với những sản phẩm mà việc sản xuất chúng có tác động xấu đến môi trường.

*-* Gắn hạn chế hoặc khuyến khích thương mại với việc bảo vệ môi trường.

*-* Khuyến khích áp dụng các cơ chế chuyển nhượng và trách nhiệm xử lý chất thải phù hợp với cơ chế thị trường.

Hiện nay, chúng ta đang xây dựng nền kinh tế thị trường có sự quản lý của nhà nước. Bên cạnh những thành tựu về tăng trưởng kinh tế, cơ chế thị trường cũng đang đặt ra cho chúng ta những thách thức về suy giảm nguồn tài nguyên, suy thoái và ô nhiễm môi trường buộc chúng ta phải sử dụng các công cụ kinh tế để điều chỉnh lại sự ô nhiễm và suy thoái đó.

**Thứ tư,**tiếp tục hoàn thiện các qui định của pháp luật về CSR như quy định rõ ràng và khả thi về nguyên tắc, trình tự, thủ tục liên quan đến đánh giá tác động môi trường để tạo điều kiện cho doanh nghiệp thực thi quy định này. Ví dụ, Điều 21 Luật BVMT năm 2014 chưa quy định rõ về trách nhiệm của UBND cấp xã về trả lời tham vấn trong quá trình thực hiện đánh giá tác động môi trường và quyền của cộng đồng dân cư chịu ảnh hưởng trực tiếp bởi Dự án. Ở đây, UBND xã là khác với cộng đồng dân cư, nơi thực hiện dự án cũng có thể khác với cộng đồng dân cư chịu tác động trực tiếp bởi Dự án. Hay vấn đề tham vấn công đồng dân cư, Điều 33 Luật BVMT năm 2020 có qui định về tham vấn Cộng đồng dân cư, cá nhân chịu tác động trực tiếp bởi dự án đầu tư, tuy nhiên cũng chỉ mới qui định chung chung.

**Kết luận**

Trong sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá nền kinh tế đất nước,hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp có một vị trí đặc biệt quan trọng đối với việc đẩy mạnh quá trình công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước. Các doanh nghiệp đã có những đóng góp vô cùng quan trọng trong việc thực hiện mục tiêu phát triển kinh tế xã hội của đất nước. Bên cạnh những ảnh hưởng tích cực của các doanh nghiệp đối với nền kinh tế thì quá trình này đặt ra một thách thức đó là nạn ô nhiễm môi trường do quá trình sản xuất công nghiệp gây ra.

Ở nước ta, hệ thống pháp luật đang trong quá trình hoàn thiện, những quy định về BVMT nói chung, về CSR nói riêng cũng không nằm ngoài thực tế đó. Trong thời gian qua, pháp luật đã dành nhiều quan tâm hơn cho các doanh nghiệp, một trong những chủ thể quan trọng của nền kinh tế, thể hiện ở những quy định nhằm hoàn thiện khung pháp lý về CSR. Tuy nhiên, với sự phát triển nhanh chóng của nền kinh tế thế giới và sự tiến bộ của hệ thống pháp luật quốc tế, đồng thời với sự chuyển mình của nền kinh tế Việt Nam thì sự quan tâm đó dường như vẫn chưa đủ. So với những quy định pháp luật ở những quốc gia có trình độ xây dựng chính sách về CSR tốt thì những quy định của pháp luật Việt Nam về vấn đề này còn quá nhiều hạn chế. Sự hạn chế này ảnh hưởng lớn đến sự phát triển của doanh nghiệp, cũng như nền kinh tế Việt Nam.

## Bài viết đã phân tích, đánh giá, làm rỏ được các quy đinh của pháp luật hiện hành về trách nhiệm của doanh nghiệp trong việc bảo vệ môi trường. Qua đó nêu lên được những ưu điểm cũng như nhưng hạn chế của pháp luật hiện hành, đồng thời đưa ra các giải pháp khả thi như: Nâng cao nhận thức, trách nhiệm của doanh nghiệp; giải pháp về mặt tài chính, đầu tư, áp dụng các công cụ kinh tế trong bảo vệ môi trường; hoàn thiện các qui định của pháp luật về CSR như quy định rõ ràng và khả thi về nguyên tắc, trình tự, thủ tục liên quan đến đánh giá tác động môi trường để tạo điều kiện cho doanh nghiệp thực thi quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

Điểm mới của bài viết so với các công trình nghiên cứu khác là đã có sự so sánh giữa So Luật BVMT năm 2005, Luật BVMT năm 2014 và Luật BVMT năm 2020, qua đó làm rỏ được những điểm mới, tiến bộ trong Luật bảo vệ môi trường năm 2020. Những điểm mới đó là lồng ghép trách nhiệm bảo vệ môi trường của các tổ chức, cá nhân kinh doanh vào từng lĩnh vực cụ thể trong hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ. Tách riêng thành điều luật quy định bảo vệ môi trường khu kinh tế. Trong đó, bảo vệ môi trường đối với làng nghề và bảo vệ môi trường trong nhập khẩu phế liệu... Phân tích làm rỏ các Điều 28 đến Điều 29 Luật BVMT 2020 quy định tiêu chí về môi trường để phân loại dự án đầu tư, quy định việc cung cấp, công khai thông tin về môi trường, công khai báo cáo đánh giá tác động môi trường, quy định trách nhiệm của chủ dự án trong việc tham vấn ý kiến các bên có liên quan.

Qua nghiên cứu tác giả cũng chỉ ra rằng để các doanh nghiệp thực sự thực hiện CSR cần phải thực hiện cả các quy tắc “luật cứng” cũng như những ràng buộc “mềm” thể hiện ở các quy tắc ứng xử, các tiêu chuẩn mà doanh nghiệp cam kết thực hiện vượt trên các chuẩn mực pháp lý. Các quy tắc “luật cứng” và các ràng buộc “luật mềm” đã tạo ra hai cơ sở pháp lý là nội dung chính của CSR.

Như vậy, một khuôn khổ pháp lý về CSR hoàn chỉnh, phù hợp với thực trạng các doanh nghiệp, phù hợp với nền kinh tế Việt Nam là một yêu cầu bắt buộc và rất thiết thực. Chỉ khi đó, thì các chuẩn mực về CSR ở Việt Nam mới tiến gần đến chuẩn mực về CSR của thế giới. Đến lúc đó, các doanh nghiệp Việt Nam mới đủ khả năng và điều kiện để hội nhập với nền kinh tế thế giới, đó là một tương lai không xa mà nền kinh tế Việt Nam đang hướng đến.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

[1]. Bộ Tài nguyên và Môi trường, Thông tư số [35/2015/TT-BTNMT](http://www.gree-vn.com/pdf/Thongtu35-2015-TT-BTNMT.pdf) ngày 30 tháng 06 năm 2015 về bảo vệ môi trường khu kinh tế, khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao.

[2]. Bộ Tài nguyên và Môi trường, Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT ngày 30/6/2015 về quản lý chất thải nguy hại.

[3]. Chính phủ, Nghị định 80/2014/NĐ-CP ban hành ngày 06/08/2014 quy định về thoát nước và xử lý nước thải.

[4].Chính phủ, Nghị định số 19/2015/NĐ-CP ban hành ngày 14 tháng 2 năm 2015 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

[5]. Chính phủ, Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ban hành ngày 24 tháng 4 năm 2015 về quản lý chất thải và phế liệu.

[6]. *Corporateenvironmental Responsibility at Fao,* Food and Agriculture Organization, 2017.

[7]. Nguyễn Đức Đồng (2018), “Pháp luật về bảo vệ môi trường qua thực tiễn tại các cơ sở sản xuất, kinh doanh ở tỉnh Quảng Bình”, Luận văn thạc sĩ luật học, Trường Đại học Luật Đại học Huế.

[8]. Quốc hội, Luật Luật Bảo vệ môi trường năm 2014.

[9]. Quốc hội, Luật Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

[10]. Nguyễn Đình Tài (2017) “Trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp: các vấn đề đặt ra hôm nay và giải pháp”, *Viện Nghiên cứu Quản lý Kinh tế Trung ương.*

[11]. Trần Ngọc Tú (2017),“Về trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp trong bối cảnh hiện nay”, Tạp chí Tài chính Kỳ 2 - tháng 9/2017, Số 665.

[12]. Trung tâm Thông tin tư liệu (2018) “Phân cấp và hiệu quả đầu tư khu công nghiệp tại Việt Nam”*. Viện nghiên cứu quản lý kinh tế Trung ương.*

[13]. Zhaojun Yang 1, Weihao Liu, Jun Sun and Yali Zhang, *Corporate Environmental Responsibility and Environmental Non-Governmental Organizations in China*, School of Economics and Management, Xidian University; College of Business and Entrepreneurship, University of Texas Rio Grande Valley, Edinburg,; School of Management, Northwestern Polytechnical Universit, 2017.

**LAW ON SOCIAL RESPONSIBILITIES OF ENTERPRISES FOR ENVIRONMENTAL PROTECTION**

***Nguyen Duy Phuong[[17]](#footnote-16)***

 ***Nguyen Duy Thanh[[18]](#footnote-17)***

**Abstract: Vietnam, like many countries in the world, is currently facing the problem of environmental pollution. Environmental pollution changes the quality of human life and destroys the living organisms in the world. Therefore, it is necessary to study the responsibility of environmental protection in general and the responsibility of enterprises in particular in environmental protection.**

**The article studies the provisions of Vietnamese law on environmental aspect in corporate social responsibility(CSR), including: Responsibility for environmental impact assessment, responsibility for implementing environmental protection commitments, management responsibility, waste treatment in production and other business activities. Through the research, the writer will points out the advantages and disadvantages in the provisions of the current law and propose solutions to improve the law on the corporate social responsibility in environmental protection.**

**Keywords: Law, responsibility, business, environment**

1. Phó giáo sư tiến sĩ, Phó Hiệu trưởng trường Đại học Luật, Đại học Huế. Địa chỉ: Đường Võ Văn Kiệt, Phường An Tây, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế, điện thoại: 0914006857; Email: duyphuongluat66@gmail.com [↑](#footnote-ref-0)
2. Thạc sĩ, giảng viên trường Đại học Luật, Đại học Huế. Địa chỉ: Đường Võ Văn Kiệt, Phường An Tây, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế, điện thoại: 0843141558; Email: duythanh1049@gmail.com [↑](#footnote-ref-1)
3. Điều 8 Nghị định số 40/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ [↑](#footnote-ref-2)
4. Xem Điều 15 Luật Bảo vệ môi trường năm 2014, Điều 32 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 [↑](#footnote-ref-3)
5. Điều 72 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 [↑](#footnote-ref-4)
6. Điều 68 Luật Bảo vệ môi trường năm 2014 [↑](#footnote-ref-5)
7. Khoản 6 Điều 3 Luật Bảo vệ môi trường năm 2014 [↑](#footnote-ref-6)
8. Xem Điều 18 Thông tư 31/2016/TT-BTNMT về bảo vệ môi trường cụm công nghiệp, khu kinh doanh dịch vụ tập trung và cơ sở sản xuất kinh doanh dịch vụ. [↑](#footnote-ref-7)
9. http://doc.edu.vn/tai-lieu/luan-van-trach-nhiem-bao-ve-moi-truong-cua-to-chuc-ca-nhan-hoat-dong-khai-thac-khoang-san-phap-luat-va-thuc-tien-9585/

 [↑](#footnote-ref-8)
10. Điều 19 Thông tư số: 31/2016/TT-BTNMT [↑](#footnote-ref-9)
11. #  Luật Bảo vệ môi trường năm 2014 – Những điểm mới và định hướng trong công tác giảng dạy, nghiên cứu(15/04/2015),Đại học cảnh sát nhân dân, http://pup.edu.vn/index.php/news/Nghien-cuu-Trao-doi/Luat-Bao-ve-moi-truong-nam-2014-Nhung-diem-moi-va-dinh-huong-trong-cong-tac-giang-day-nghien-cuu-59.html

 [↑](#footnote-ref-10)
12. Trần Ngọc Tú (2017), “Về trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp trong bối cảnh hiện nay”, Tạp chí Tài chính Kỳ 2 - tháng 9/2017, Số 665, tr. 53 - 54 [↑](#footnote-ref-11)
13. Nguyễn Đức Đồng (2018), “Pháp luật về bảo vệ môi trường qua thực tiễn tại các cơ sở sản xuất, kinh doanh ở tỉnh Quảng Bình”, Luận văn thạc sĩ luật học, Trường Đại học Luật Đại học Huế, tr.28 [↑](#footnote-ref-12)
14. # Nguyễn Thế Chinh (2006), “Sử dụng công cụ kinh tế bảo vệ môi trường”, [<http://vtr.org.vn/su-dung-cong-cu-kinh-te-bao-ve-moi-truong-nham-phat-trien-du-lich.html>], (truy cập ngày 22.12.2019)

 [↑](#footnote-ref-13)
15. Lê Thị Thảo, Nguyễn Quang Tuấn (2011), “Sử dụng công cụ kinh tế và pháp lý trong quản lý, bảo vệ môi trường “, Tạp chí Nghiên cứu lập pháp, Số 9(194), tr.44-49 [↑](#footnote-ref-14)
16. Nguyễn Ngọc Anh Đào (2012), “Thực hiện pháp luật về sử dụng công cụ kinh tế trong bảo vệ môi trường”, Tạp chí Nghiên cứu lập pháp, Số 24(232), tr.43-47 [↑](#footnote-ref-15)
17. Assoc.Prof.Dr, Vice President University of Law, Hue University [↑](#footnote-ref-16)
18. LLM. PhD student, Lecturer at University of Law, Hue University [↑](#footnote-ref-17)